

UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SXD-KTVL

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

V/v công bố cập nhật thông tin giá
xăng dầu, nhựa đường trên địa bàn
tỉnh Thanh Hóa.

Kính gửi:

- Các Sở: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường,
Công thương;
- Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN;
- UBND các xã, phường;
- Các Ban QLDA ĐTXD cấp tỉnh.

Thực hiện Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của UBND tỉnh về việc ủy quyền công bố thông tin giá các loại vật liệu xây dựng, thiết bị công trình, đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công, giá thuê máy và thiết bị thi công xây dựng; công bố chỉ số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

Sở Xây dựng công bố cập nhật thông tin giá xăng dầu, nhựa đường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để các cơ quan, đơn vị có cơ sở tham khảo trong quá trình xác định tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Mức giá và thời điểm cập nhật được thể hiện tại Phụ lục chi tiết kèm theo.

Các mức giá nêu trên sẽ được Sở Xây dựng tổng hợp trong Công bố thông tin giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thời điểm Quý II năm 2026. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng để xem xét, tổng hợp và giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Các phòng thuộc Sở Xây dựng;
- Văn phòng Sở (để đăng tải Website Sở);
- Lưu: VT, KTVL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lý Đình Sĩ

PHỤ LỤC: CẬP NHẬT THÔNG TIN GIÁ XĂNG DẦU, NHỰA ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Công văn số

/SXD-KTVL ngày

tháng

năm 2026 của Sở Xây dựng)

1. Thông tin giá xăng dầu.

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán đã gồm VAT* (đồng)
1	Xăng, dầu Đêzen	Xăng RON95 mức 3	lít						Giá bán lẻ tại các cửa hàng xăng dầu trực thuộc Công ty TNHH MTV Petrolimex Thanh Hóa	Theo Quyết định số 746/PLXTH-QĐ ngày 16/4/2026 (hiệu lực 00h00' ngày 16/4/2026)	24.230
2		Xăng E5 RON92 mức 2	lít								23.040
3		Dầu Đêzen 0,05S mức 2	lít								31.660
4		Xăng E10 RON92 mức 3	lít							Theo Quyết định số 776/PLXTH-QĐ ngày 17/4/2026 (hiệu lực 00h00' ngày 18/4/2026)	23.620
5		Xăng RON95 mức 3	lít							Theo Quyết định số 802/PLXTH-QĐ ngày 21/4/2026 (hiệu lực 16h00' ngày 21/4/2026)	23.500
6		Xăng E10 RON92 mức 3	lít								22.790
7		Xăng E5 RON92 mức 2	lít								22.360
8		Dầu Đêzen 0,05S mức 2	lít								28.400
9		Xăng RON95 mức 3	lít							Theo Quyết định số 816/PLXTH-QĐ ngày 23/4/2026 (hiệu lực 15h00' ngày 23/4/2026)	23.330
10		Xăng E10 RON92 mức 3	lít								22.800
11		Dầu Đêzen 0,05S mức 2	lít								27.220
12		Xăng RON95 mức 3	lít							Theo Quyết định số 847/PLXTH-QĐ ngày 29/4/2026 (hiệu lực 15h00' ngày 29/4/2026)	24.220
13		Xăng E10 RON92 mức 3	lít								23.650
14		Dầu Đêzen 0,05S mức 2	lít								28.730

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán đã gồm VAT* (đồng)
15	Xăng, dầu Điêzen	Xăng RON95 mức 3	lít						Giá bán lẻ tại các cửa hàng xăng dầu trực thuộc Công ty TNHH MTV Petrolimex Thanh Hóa	Theo Quyết định số 882/PLXTH-QĐ ngày 07/5/2026 (hiệu lực 15h00' ngày 07/5/2026)	24.830
16		Xăng E10 RON92 mức 3	lít								24.200
17		Dầu Điêzen 0,05S mức 2	lít								28.030
18		Xăng RON95 mức 3	lít							Theo Quyết định số 919/PLXTH-QĐ ngày 14/5/2026 (hiệu lực 15h00' ngày 14/5/2026)	24.550
19		Xăng E10 RON92 mức 3	lít								23.910
20		Dầu Điêzen 0,05S mức 2	lít								27.760

** Về thuế giá trị gia tăng (VAT): thực hiện theo hướng dẫn của Thuế tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 2528/THO-NVDTPC ngày 15/4/2026 về việc áp dụng mức thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng, dầu và nhiên liệu bay theo Nghị quyết số 19/2026/QH16 của Quốc hội.*

